TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HSST
Ngày 28-5-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Phước Lộc
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Minh Hội
2. Ông Danh Rết

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: Ông Hà Duy Phúc, Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 5 năm 2019, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 05/2019/TLST-HS, ngày 27 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo:

- Họ và tên: **Phan Thanh T**, sinh ngày 13/6/1997; Giới tính: Nam.
- Tên gọi khác: **B**
- Nơi ĐKHKTT: Ấp E, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.
- Chỗ ở hiện nay: Ấp E, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo Hiếu nghĩa
- Nghề nghiệp: Làm Thuê;
- Trình độ văn hóa: 12/12;
- Họ tên Cha: Bùi Văn T - Sinh năm:1973 (Sống);
- Họ tên Mẹ: Phan Thị D - Sinh năm: 1979 (Sống);
- Anh, chị, em ruột: 01 người (bị cáo);
- Tiền án: Không.
- Tiền sự: Không;

Bị cáo bị khởi tố bắt tạm giam ngày 18/01/2019 theo Lệnh bắt bị cáo để tạm giam số 01/LBBCĐTG ngày 03/01/2019 của Cơ quan CSĐT Công an huyện G. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện G. (Bị cáo có mặt)

Bị hại: Danh Hồng P, sinh năm 1996 (có mặt)
Địa chỉ: ấp C, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
- Nguyễn Phước T1, sinh năm 1996 (có đơn vắng mặt)
Địa chỉ: Khóm 8, phường B, thành phố C, tỉnh An Giang.
- Đặng Thị R, sinh năm 1953. (có mặt)
Địa chỉ: Khóm N, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang.

Người làm chứng:
- Nguyễn Văn T2, sinh năm 1996. (có mặt)
Địa chỉ: ấp K, xã TK, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 30 phút, ngày 15/12/2018 T đến gặp anh P tại khu vực chợ Đ thuộc ấp K, xã TK, huyện G, tỉnh Kiên Giang để hỏi mượn xe mô tô Honda Winner, BKS 68F1-040.67 đi thăm mẹ ruột là bà Phan Thị D ngụ tại thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang. Sau khi thăm mẹ ruột xong T điều khiển xe về đến địa bàn xã V, huyện T, tỉnh An Giang rồi sang Casino nước Campuchia để đánh bạc. T đánh bạc thua hết số tiền 1.300.000 Việt Nam đồng, lúc này T đã hết tiền nên đã nảy sinh ý định thực hiện hành vi chiếm đoạt chiếc xe mô tô đang mượn của anh P cầm cho anh Nguyễn Phước T1 với số tiền là 16.000.000 đồng. Lấy tiền xong T tiếp tục đánh bạc và đã thua hết số tiền trên. Sau khi thua hết số tiền trên nên T đã nói dối với anh P là xe bị tai nạn nên Công an giữ xe, do nghi ngờ nên an P đã trình báo sự việc với Công an huyện G. Trong quá trình điều tra T đã thừa nhận hành vi của mình. Đến ngày 03/01/2019 T bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G khởi tố và bắt tạm giam cho đến nay.

Vật chứng trong vụ án: 01 (một) xe Honda Winner, màu sơn Đen, BKS 68F1-040.67; số khung: KC26E1021137, số khung: 2608GY015134. Đăng ký lần đầu vào ngày 05/10/2016. Xe đã qua sử dụng. Hiện xe đã được trả lại cho bị hại.

Căn cứ kết luận giám định tài sản số 14/KL-HĐĐG ngày 27/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện G kết luận 01 (một) xe môtô hai bánh biển kiểm soát 68F1 – 040.67 nhãn hiệu Honda; loại xe Winner; màu sơn đen; số máy KC26E1021137; số khung 2608GY015134 có giá trị còn lại 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Tại Tòa, bị hại anh Danh Hồng P có lời khai phù hợp với nội dung vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Anh P thừa nhận gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho anh số tiền là 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng), anh đã nhận lại chiếc xe và không yêu cầu bị cáo phải tiếp tục bồi thường.

Về trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra anh P đã có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo và tại phiên tòa hôm nay anh P tiếp tục xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Tại bản Cáo trạng số 04/CT-VKS-KT ngày 26/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố bị cáo Phan Thanh T về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017), cụ thể:

Về trách nhiệm hình sự: áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tuyên phạt bị cáo từ 04 đến 06 tháng tù. Thời hạn được tính kể từ ngày 18/01/2019.

Các biện pháp tư pháp: vật chứng đã tra trả cho chủ sở hữu nên miễm xét.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu nên miễn xét.

Về án phí: Áp dụng Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Điều 35, Điều 37 và Điều 42 Bộ luật Tố tụng hình sự và hợp pháp. Các chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra Công an huyện G, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện G, Kiểm sát viên thu thập và những người tham gia tố tụng khác cung cấp đều phù hợp quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về chứng cứ. Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Đối với việc vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đã có lời khai làm rõ tình tiết trong hồ sơ vụ án không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người này.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa, bị cáo Phan Thanh T hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Cụ thể bị cáo khai nhận: Ngày 15/12/2018, bị cáo mượn xe của bị hại Danh Hồng P để đi thăm mẹ ruột tại thị trấn B, huyện B, tỉnh An Giang. Trên đường về, T điều khiển xe chạy sang Casino Campuchia đánh bạc thua hết tiền nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe của anh P. Bị cáo cầm xe cho anh Nguyễn Phước T1 số tiền 16.000.000đ (mười sáu triệu đồng) để đánh bạc và thua hết số tiền nói trên.

Với hành vi nêu trên của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở kết luận bị cáo Phan Thanh T phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" được

quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017)

Điều 175 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào thực hiện một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại hoặc tài sản có giá trị đặc biệt về mặt tinh thần đối với người bị hại, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

……

b. *Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản.*

[3] Xét về tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác mà còn làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, cần phải áp dụng một mức án tương xứng với tính chất hành vi mà bị cáo đã gây ra nhằm có đủ điều kiện cải tạo bị cáo thành công dân tốt có ích cho xã hội, đồng thời có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách hình sự đối với bị cáo:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng được quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại số tiền 16.000.000đ (mười sáu triệu đồng) hơn nữa, trong quá trình điều tra bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo và tại phiên tòa bị hại tiếp tục đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt: Với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo cần áp dụng một mức hình phạt tương xứng, đủ nghiêm để vừa đảm bảo tính răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G về mức hình phạt đối với bị cáo từ 04 đến 06 tháng tù là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[6] Trách nhiệm dân sự:

Bị cáo tác động gia đình khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại cho bị hại Danh Hồng P số tiền 16.000.000đ (mười sáu triệu đồng), bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên HĐXX miễm xét.

Tại Tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị R khai bà đã tự nguyện khắc phục hậu quả cho bị hại thay cho bị cáo, do bị cáo là cháu ngoại của bà nên bà không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại số tiền nói trên nên HĐXX miễn xét.

[7] Các biện pháp tư pháp: áp dụng Điều 46 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017); Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: 01 (một) xe Honda Winner, màu sơn Đen, BKS 68F1-040.67; số máy KC26E1021137, số khung: 2608GY015134. Đăng ký lần đầu vào ngày 05/10/2016. Xe đã qua sử dụng đã trao trả cho chủ sở hữu theo biên bản ngày 24/12/2018 nên HĐXX miễn xét.

[8] Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Bị cáo T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định là 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)*

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố bị cáo Phan Thanh T (B) phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017)

Áp dụng Điều 38; Điều 46; điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[2] Xử phạt bị cáo Phan Thanh T (B) 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/01/2019.

Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo việc thi hành án.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu nên HĐXX miễn xét.

[4] Các biện pháp tư pháp: áp dụng Điều 46 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017); Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vật chứng đã trao trả cho chủ sở hữu nên miễn xét.

[5] Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Phan Thanh T (B) chịu án phí hình sự sơ thẩm số tiền 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)*

[6] Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 28/5/2019).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thi được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang
- VKSND huyện G;
- Công an tỉnh Kiên Giang (PV27);
- Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- Cơ quan CSĐT, CA h. G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Bị cáo, Những người TGTT;
- Lưu: HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Phước Lộc